TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-PT
Ngày: 28/02/2020
V/v Tranh chấp ranh đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Thành Hữu

2. Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp ranh đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Liêu Thị Q, sinh năm 1942 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Triệu Du L - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

+ Bị đơn:

1. Bà Sơn Thị T, sinh năm 1961 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

2. Ông Lâm Văn S, sinh năm 1963 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Ông Nguyễn Văn N - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1937 (chết năm 2018)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của** NLQ1**:

1.1. Bà Liêu Thị Q, sinh năm 1942 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

1.2. NLQ2, sinh năm 1964 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

1.3. NLQ3, sinh năm 1967 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ3: NLQ2, sinh năm 1964 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

1.4. NLQ4, sinh năm 1968 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

1.5. NLQ5, sinh năm 1971 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

1.6. NLQ6, sinh năm 1978 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ6: NLQ2, sinh năm 1964 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

1.7. NLQ7, sinh năm 1984 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

1.8. NLQ8, sinh năm 1974 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ8: NLQ2, sinh năm 1964 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Ngoài ra những người sau đây cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 và NLQ8.

+ *Người làm chứng:* Ông Trà N, sinh năm 1969 - Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

+ *Người phiên dịch tiếng Khmer*: Bà Sơn Hồng V, nơi công tác: Báo Sóc Trăng. (Có mặt)

+ *Người kháng cáo:* Bà Liêu Thị Q là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Liêu Thị Q trình bày:***

Bà Liêu Thị Q có thửa đất số 29, tờ bản đồ số 02, diện tích 15.010m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 173557, ngày 23/4/1996. Giáp ranh phần đất này về hướng Nam, bà Q có đắp bờ ruộng ngang 08 tấc, chạy dài 180m. Do bà Q ít ra trông coi ruộng nên hằng năm

bà T, ông S lấn chiếm qua phần đất của bà Q ngang 14,5m dài 180m, diện tích 2.610m^2. Năm 2013, bà T, ông S đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 440347, ngày 01/10/2013, tuy nhiên bà Q là người giáp ranh đất nhưng hoàn toàn không hay biết và cũng không có ký tứ cận.

Bà Liêu Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lâm Văn S, bà Sơn Thị T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 2.610m^2 thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 02, tọa lạc Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Nguồn gốc phần đất trên là năm 1993 vợ chồng bà Q nhận chuyển nhượng phần đất của em họ tên Lâm S (hiện nay đã chết) diện tích phần đất 10 công tầm cấy tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Năm 1996, ông S tiếp tục chuyển nhượng phần đất đường mương dẫn nước chiều ngang 03 mét, chiều dài chạy hết đất. Năm 1996, hộ gia đình của bà Q được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 173557, ngày 23/4/1996 trên. Hộ gia đình của bà Q tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm có NLQ1 (chồng của bà Q) và các con là NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 và NLQ8. Phần diện tích đất tranh chấp do vợ chồng bà T ông S quản lý, sử dụng. Đất tranh chấp là đất trồng lúa ngoài ra không có vật kiến trúc hay công trình nào trên phần đất tranh chấp.

* ***Bị đơn bà Sơn Thị T và ông Lâm Văn S cùng trình bày:***

Nguồn gốc phần đất mà bà Liêu Thị Q tranh chấp ngang 14,5m dài 180m thuộc một phần thửa 207, tờ bản đồ số 18, tọa lạc Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Lâm K cư ngụ cùng ấp (hiện nay ông K đã chết) với tổng diện tích 6,5 công tầm cấy năm 1995. Phần đất trên có phần ranh giáp với thửa đất của bà Liêu Thị Q. Năm 2013, vợ chồng ông bà được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 440347, ngày 01/10/2013 với diện tích 8.688,5m^2 trong đó có một phần thửa đất này. Vào năm 2012, bà Liêu Thị Q có lấn qua tranh chấp ranh, nên vợ chồng ông S, bà T đã tiến hành cặm cọc bê tông làm ranh đất, bà Q biết sự việc và cũng không có ý kiến gì. Diện tích mà bà Q tranh chấp đã có cọc và bờ ranh rõ ràng, do đó vợ chồng ông bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn đưa ra vì vợ chồng ông bà không có lấn ranh đất như bà Q trình bày.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ1 là NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ8, NLQ6 và NLQ7 trình bày:***

Năm 1993, bà Liêu Thị Q và NLQ1 có nhận chuyển nhượng từ ông Lâm S (đã chết) phần đất có diện tích 10 công tầm cấy tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Năm 1996, ông S tiếp tục chuyển nhượng thêm cho bà Q, NLQ1 một đường dẫn nước ngang 03 mét chạy dài hết đất. Ngày 23/4/1996, hộ gia đình bà Q được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 173557, với diện tích 15.010m^2 thuộc tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Tại thời điểm cấp giấy hộ gia đình của bà

Q gồm có các thành viên là bà Q, NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ8, NLQ6 và NLQ7.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, quyết định như sau:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 158, Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Liêu Thị Q yêu cầu ông Lâm Văn S, bà Sơn Thị T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 2.610m^2 thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 02 tọa lạc Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí giám định tài sản: Bà Liêu Thị Q phải chịu là 3.305.200 đồng (Ba triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, hai trăm đồng). Bà Q đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Liêu Thị Q phải chịu. Nhưng bà Liêu Thị Q là người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí là 300.000 đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Hoàn trả cho bà Liêu Thị Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006499 ngày 15-11-2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn ông Lâm Văn S bà Sơn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ1 là NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 và NLQ8 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/12/2019, nguyên đơn bà Liêu Thị Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc các bị đơn trả lại cho bà phần đất có diện tích 941,2m^2, tại thửa số 29, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, tuy nhiên nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu diện tích 941,2m^2 đất và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày các lập luận đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 941,2m^2 đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn trình bày các lập luận đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ3, NLQ6, NLQ8 vắng mặt nhưng đã ủy quyền đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đã ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm:

[3] Xét về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Liêu Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử buộc ông Lâm Văn S, bà Sơn Thị T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 2.610m^2 thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 02, tọa lạc Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất"* theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất lấn ranh đất, do đó cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Tranh chấp ranh đất"* theo khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

[4] Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án: Phần đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn có diện tích 2.610m^2 thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 02, tọa lạc Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân huyện Đ căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[5] Về nội dung vụ án:

[6] Về số đo diện tích, vị trí, tứ cận của đất tranh chấp: Nguyên đơn bà Liêu Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Văn S, bà Sơn Thị T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 2.610m^2 (tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thay đổi chỉ yêu cầu diện tích 941,2m^2) thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 02, tọa lạc Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, đây chỉ là số đo diện tích do nguyên đơn tự đưa ra tại thời điểm khởi kiện ban đầu. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/4/2018 và đã xác định được phần đất tranh chấp thực tế có diện tích 2.804,1m^2 nằm hoàn toàn trong thửa 207, tờ bản đồ số 18, tọa lạc Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng do bà Sơn Thị T và ông Lâm Văn S quản lý, sử dụng và có tứ cận cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp một phần thửa 207 của bà Sơn Thị T, có số đo: 15,01m;

- Hướng Tây giáp kênh thủy lợi, có số đo: 15m;

- Hướng Nam giáp một phần thửa 207 của bà Sơn Thị T, có số đo: 1,6m và 75,84m và 30,72m và 81,42m;

- Hướng Bắc giáp thửa 198 và 199 (trước là thửa 29) của bà Liêu Thị Q, có số đo: 1,53m và 76,55m và 30,70m và 75,92m và 1,86m.

[7] Các đương sự đều thống nhất với số đo diện tích, vị trí, tứ cận của phần đất tranh chấp nêu trên. Nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại diện tích phần đất bị lấn chiếm là 2.610m^2 (tại phiên tòa phúc thẩm thay đổi yêu cầu diện tích 941,2m^2). Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự xác định phần đất tranh chấp có diện tích 941,2m^2 là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[8] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Liêu Thị Q, thấy rằng:

[9] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp theo trình bày của nguyên đơn cho rằng vào năm 1993, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của em họ tên Lâm S (hiện đã chết) diện tích phần đất 10 công tầm cấy tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Năm 1996, ông S tiếp tục chuyển nhượng phần đất đường mương dẫn nước chiều ngang 03 mét, chiều dài chạy hết đất. Ngày 23/4/1996, hộ gia đình của bà Q được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 173557 với diện tích 15.010m^2 thuộc thửa số 29, tờ bản đồ số 02, tọa lạc Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Hộ gia đình của bà Q tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm có NLQ1 (chồng của bà Q) và các con là NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 và NLQ8. Do bà Q ít ra trông coi ruộng nên hằng năm bà T, ông S lấn chiếm qua phần đất của bà Q ngang 14,5m dài 180m, diện tích 2.610m^2 (tại phiên tòa phúc thẩm thay đổi yêu cầu 941,2m^2).

[10] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp theo trình bày của bị đơn cho rằng đất tranh chấp thuộc một phần thửa 207, tờ bản đồ số 18, tọa lạc Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng là của vợ chồng ông S, bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Lâm K cư ngụ cùng ấp (hiện đã chết) với tổng diện tích 6,5 công tầm cấy vào năm 1995. Ngày 01/10/2013, vợ chồng ông S, bà T

được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 440347 diện tích 8.688,5m^2. Năm 2012, bà Q có lấn qua tranh chấp ranh, nên vợ chồng ông S, bà T đã tiến hành cặm cọc bê tông làm ranh đất, bà Q biết sự việc và cũng không có ý kiến gì. Diện tích mà bà Q tranh chấp đã có cọc và bờ ranh rõ ràng.

[11] Căn cứ vào kết quả thẩm định tại chỗ về phần đất tranh chấp xác định như sau: Diện tích đất 2.804,1m^2 nằm hoàn toàn trong thửa 207, tờ bản đồ số 18, tọa lạc Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng của bà Sơn Thị T. Căn cứ này hoàn toàn phù hợp với văn bản số 98/PTNMT, ngày 06/8/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

[12] Theo kết quả trả lời của cơ quan quản lý đất đai về quyền sử dụng đất của các bên đương sự cũng như phần đất tranh chấp, tại văn bản số 98/PTNMT, ngày 06/8/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (trả lời theo sự phân công của Ủy ban nhân dân huyện Đ) xác định:

[13] Đối với quyền sử dụng đất của nguyên đơn: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 173557 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ bà Liêu Thị Q ngày 23/4/1996 tại thửa số 29 là cấp đại trà căn cứ theo quy định của Luật đất đai năm 1993 và dựa trên Bản đồ địa chính được lập năm 1991-1992, sổ mục kê ruộng đất. Diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 173557 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ bà Liêu Thị Q ngày 23/4/1996 tại thửa số 29 diện tích là 15.010m^2 có sự chênh lệch là cấp theo bản đồ địa chính cũ, được cal vẽ trên giấy dựa trên hình thể và tỷ lệ bản đồ được đo đạc chỉnh lý từ bản đồ thành lập theo Chỉ thị số 299/CT-TTg, diện tích được tính theo lưới kẻ ô vuông, vì vậy thực tế có sai số không nhỏ dẫn đến sự chênh lệch giữa giấy chứng nhận và diện tích đất đang sử dụng. Năm 2018, khi đo đạc thực tế theo sự chỉ ranh của đương sự do ranh mốc thay đổi và cạnh hướng Bắc, hướng Tây của thửa đất vào năm 1996 khi cấp giấy chứng nhận thì không có bờ đất lớn, không có kênh thủy lợi. Nay thì có bờ đất lớn và kênh thủy lợi nên ảnh hưởng đến giảm diện tích đất.

[14] Đối với quyền sử dụng đất của bị đơn: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 440347 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Sơn Thị T ông Lâm Văn S ngày 01/10/2013 đối với thửa số 207, tờ bản đồ số 18, diện tích 8.688,5m^2. Căn cứ vào bản đồ địa chính lập năm 1991-1992, Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đặt biệt là bản đồ lập năm 2009-2010 theo dự án tổng thể. Diện tích theo đo đạc thực tế giảm 598,5m^2 do cọc ranh theo dự án chính quy không còn cùng với việc nạo vét kênh thủy lợi và bờ kênh trừ không đồng nhất.

[15] Đối với phần đất tranh chấp: Ngoài ra văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định diện tích phần đất tranh chấp 2.084,1m^2 thuộc một phần thửa số 207, tờ bản đồ số 18, tọa lạc Ấp B, xã T đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 440347 cho bà Sơn Thị T ông Lâm Văn S ngày 01/10/2013.

[16] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/4/2018, lời trình bày

của người làm chứng ông Trà N và kết quả xác minh đối với bà Sơn Thị K, Hội đồng xét xử xác định hiện trạng thửa đất 207, tờ bản đồ số 18, tọa lạc Ấp B, xã T đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 440347 cho bà Sơn Thị T ông Lâm Văn S ngày 01/10/2013 có bờ ranh rõ ràng kể từ khi Nhà nước thực hiện chính sách trang trãi đất đai cho đến nay.

[17] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp nằm hoàn toàn trong thửa 207, tờ bản đồ số 18, tọa lạc Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận cho bà Sơn Thị T, ông Lâm Văn S ngày 01/10/2013, từ đó xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[18] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[19] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[20] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tuy nhiên, nguyên đơn bà Liêu Thị Q là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1/. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Liêu Thị Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm dân sự số 37/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 158, Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Liêu Thị Q yêu cầu ông Lâm Văn S, bà Sơn Thị T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 2.610m^2 (tại phiên tòa phúc thẩm thay đổi yêu cầu diện tích 941,2m^2) thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 02, tọa lạc Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí giám định tài sản: Bà Liêu Thị Q phải chịu là 3.305.200 đồng (Ba triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, hai trăm đồng). Bà Q đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Liêu Thị Q phải chịu. Nhưng bà Liêu Thị Q là người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí là 300.000 đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Hoàn trả cho bà Liêu Thị Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006499 ngày 15/11/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn ông Lâm Văn S, bà Sơn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ1 là các NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 và NLQ8 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo bà Liêu Thị Q được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3/. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án , VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũ